

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/6/2022  
(V/v: Tranh chấp yêu cầu xin  
ly hôn và nuôi con chung)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Danh Văn An

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Bà Dương Thị Tú Phương

2/. Bà Võ Tuyết Kha

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTHĐ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh PMX, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị Đ có đơn xin vắng mặt, anh X vắng mặt lần 2 không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2022, các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị NTHĐ trình bày: Vào năm 2004, được sự cho phép của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và anh X nên vợ thành chồng, hôn nhân của chị và anh X là hoàn toàn tự nguyện, sau đó

chị và anh X có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện PL, tỉnh BL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn để chị yêu cầu xin ly hôn với anh X là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. Do trong cuộc sống vợ chồng anh X rất gia trưởng, vợ con trong nhà không có quyền được giữ tiền bạc, anh X thường xuyên rượu chè bê tha và về gia đình hành hạ đánh đập vợ con, có lần anh X đánh chị phải nhập viện để điều trị cho nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau nữa, hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh X nữa nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh PMX.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh X có 02 người con chung tên PTBN, sinh năm 2006 và PTT Đ, sinh 2011. Hiện tại cả hai cháu N và Đ đang sống cùng với anh X nên nay ly hôn nguyện vọng của các con sống với ai thì người đó nuôi. Nếu hai con có nguyện vọng sống cùng với anh X thì chị cũng đồng ý để hai con N và Đ cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung chị Đ xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh X không có tài sản chung và nợ chung nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bị đơn anh PMX trình bày: Về hôn nhân, con chung, về tài sản chung và nợ chung như chị NTHĐ trình bày là đúng. Vợ chồng anh có mâu thuẫn và anh có đánh chị Đ như lời chị NTHĐ trình bày, hiện tại vợ chồng anh đã ly thân với nhau. Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn còn thương chị Đ nên anh không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng yêu cầu được đoàn tụ với chị NTHĐ. Nếu Tòa án giải quyết cho chị Đ và anh ly hôn với nhau thì con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng giáo dục. Nếu hai con N và Đ có nguyện vọng sống cùng với anh thì anh đồng ý nuôi con và anh cũng không yêu cầu chị Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị NTHĐ là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh PMX chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị Đ và anh X kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, chị Đ và anh X xác định anh chị có đến UBND xã PL để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng tại giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/9/2011, lại không có chữ ký của chị Đ. Tuy nhiên, tại sổ đăng ký kết hôn thì lại có chữ ký của anh X và chị Đ. Theo công văn số 58/UBND ngày 16/6/2022 của UBND xã PL xác định chị Đ và anh X có đến UBND xã PL để đăng ký kết hôn và có ký tên vào sổ lưu đăng ký kết hôn theo quy định nhưng do sơ suất nên trong giấy kết hôn chị Đ chưa ký tên vào. Xét thấy anh X và chị Đ tự nguyện xây dựng hôn

nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh X nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ được ly hôn với anh X là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị NTHĐ và anh PMX thống nhất thỏa thuận các con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi. Hiện tại cả hai con N và Đ đang sống cùng với anh X. Mặc khác, qua tiếp xúc với cháu Đ thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với anh X khi chị Đ và anh X ly hôn với nhau. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị NTHĐ và anh PMX giao cả hai con N và Đ cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị Đ và anh X không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh PMX, anh X có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị NTHĐ có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ.

Anh PMX đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh X vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh X.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Đ và anh X kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh X thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau để cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chị Đ và anh X lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị Đ xác định, trong cuộc sống vợ chồng anh X rất gia trưởng, thường xuyên rượu chè, hành hạ đánh đập vợ con, có lần anh X đánh chị phải nhập viện để điều trị cho nên hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh X nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh PMX.

Anh PMX không đồng ý ly hôn mà yêu cầu xin được đoàn tụ với chị Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù anh X xác định còn thương vợ con nên mong muốn được hàn gắn lại với chị Đ nhưng từ khi anh chị sống ly thân cho đến ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng anh X không đến Tòa án cũng như không có biện pháp nào thể hiện thiện chí mong muốn được hàn gắn lại với chị Đ. Từ đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị Đ và anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTHĐ xin ly hôn với anh PMX là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Đ và anh X chung sống với nhau có 02 người con chung tên PTBN, sinh năm 2006 và PTT Đ, sinh 2011. Hiện tại cháu N và Đ đang sống cùng với anh X, từ khi chị Đ và anh X sống ly thân với nhau đến nay thì anh X là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Mặc khác, qua tiếp xúc với cháu Đ thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với anh X khi chị Đ và anh X ly hôn với nhau. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai cháu N và Đ khi đang sống với anh X nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao người con chung tên PTBN, sinh ngày 15/3/2006 và PTT Đ, sinh ngày 11/8/2011 cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh PMX không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị NTHĐ.

Chị NTHĐ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này chị Đ chứng minh được việc anh X nuôi con nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì chị có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị NTHĐ và anh PMX không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị NTHĐ. Cho chị NTHĐ được ly hôn với anh PMX.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên PTBN, sinh ngày 15/3/2006 và PTT Đ, sinh ngày 11/8/2011 cho anh PMX được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh PMX không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị NTHĐ.

Chị NTHĐ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị NTHĐ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005068 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BL;
- VKSND huyện PL;
- Chi cục THADS huyện PL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Danh Văn An**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PL  
TỈNH BL**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/6/2022  
(V/v: Tranh chấp yêu cầu xin  
ly hôn và nuôi con chung)

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

## **TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PL, TỈNH BL**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Danh Văn An

***Các hội thẩm nhân dân:***

1/. Bà Dương Thị Tú Phương

2/. Bà Võ Tuyết Kha

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị N – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Vũ Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 80/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTHĐ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh PMX, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

(Chị Đ có đơn xin vắng mặt, anh X vắng mặt lần 2 không có lý do).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2022, các biên bản lấy lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị NTHĐ trình bày: Vào năm 2004, được sự cho phép của hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán ở địa phương cho chị và anh X nên vợ thành chồng, hôn nhân của chị và anh X là hoàn toàn tự nguyện, sau đó chị và anh X có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện PL, tỉnh BL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân mâu thuẫn để chị yêu cầu xin ly hôn với anh X là do tính tình giữa hai người không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng và không còn hạnh phúc như trước. Do trong cuộc sống vợ chồng anh X rất gia trưởng, vợ con trong nhà không có quyền được giữ tiền bạc, anh X thường xuyên rượu chè bê tha và về gia đình hành hạ đánh đập vợ con, có lần anh X đánh chị phải nhập viện để điều trị cho nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không thể hàn gắn được với nhau nữa, hiện tại chị không còn tình cảm

gì với anh X nữa nên nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh PMX.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh X có 02 người con chung tên PTBN, sinh năm 2006 và PTT Đ, sinh 2011. Hiện tại cả hai cháu N và Đ đang sống cùng với anh X nên nay ly hôn nguyện vọng của các con sống với ai thì người đó nuôi. Nếu hai con có nguyện vọng sống cùng với anh X thì chị cũng đồng ý để hai con N và Đ cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung chị Đ xác định: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị và anh X không có tài sản chung và nợ chung nên khi ly hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Theo bị đơn anh PMX trình bày: Về hôn nhân, con chung, về tài sản chung và nợ chung như chị NTHĐ trình bày là đúng. Vợ chồng anh có mâu thuẫn và anh có đánh chị Đ như lời chị NTHĐ trình bày, hiện tại vợ chồng anh đã ly thân với nhau. Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn còn thương chị Đ nên anh không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng yêu cầu được đoàn tụ với chị NTHĐ. Nếu Tòa án giải quyết cho chị Đ và anh ly hôn với nhau thì con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng giáo dục. Nếu hai con N và Đ có nguyện vọng sống cùng với anh thì anh đồng ý nuôi con và anh cũng không yêu cầu chị Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn chị NTHĐ là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh PMX chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Chị Đ và anh X kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, chị Đ và anh X xác định anh chị có đến UBND xã PL để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nhưng tại giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/9/2011, lại không có chữ ký của chị Đ. Tuy nhiên, tại sổ đăng ký kết hôn thì lại có chữ ký của anh X và chị Đ. Theo công văn số 58/UBND ngày 16/6/2022 của UBND xã PL xác định chị Đ và anh X có đến UBND xã PL để đăng ký kết hôn và có ký tên vào sổ lưu đăng ký kết hôn theo quy định nhưng do sơ suất nên trong giấy kết hôn chị Đ chưa ký tên vào. Xét thấy anh X và chị Đ tự nguyện xây dựng hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, hiện tại anh chị mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị Đ và anh X nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Đ được ly hôn với anh X là phù hợp với quy định của pháp luật.



Về con chung: Chị NTHĐ và anh PMX thống nhất thỏa thuận các con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi. Hiện tại cả hai con N và Đ đang sống cùng với anh X. Mặc khác, qua tiếp xúc với cháu Đ thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với anh X khi chị Đ và anh X ly hôn với nhau. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của chị NTHĐ và anh PMX giao cả hai con N và Đ cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị Đ và anh X không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình chị Đ phải chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh PMX, anh X có địa chỉ cư trú tại huyện PL, tỉnh BL. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Chị NTHĐ có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Đ.

Anh PMX đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh X vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh X.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Đ và anh X kết hôn với nhau vào năm 2004, hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, sau đó anh chị có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã PL, huyện PL cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đ đối với anh X thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau để cùng nhau tiến bộ. Nhưng trong thời gian chung sống vợ chồng chị Đ và anh X lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn. Theo chị Đ xác định, trong cuộc sống vợ chồng anh X rất gia trưởng, thường xuyên rượt chề, hành hạ đánh đập vợ con, có lần anh X đánh chị phải nhập viện để điều trị cho nên hiện tại chị không còn tình cảm gì với anh X nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh PMX.

Anh PMX không đồng ý ly hôn mà yêu cầu xin được đoàn tụ với chị Đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù anh X xác định còn thương vợ con nên mong muốn được hàn gắn lại với chị Đ nhưng từ khi anh chị sống ly thân cho đến ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và tiến hành hòa giải đoàn tụ cho anh chị nhưng anh X không đến Tòa án cũng như không có biện pháp nào thể hiện thiện chí mong muốn được hàn gắn lại với chị Đ. Từ đó, có cơ sở xác định cuộc sống hôn nhân của chị Đ và anh X đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị NTHĐ xin ly hôn với anh PMX là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị Đ và anh X chung sống với nhau có 02 người con chung tên PTBN, sinh năm 2006 và PTT Đ, sinh 2011. Hiện tại cháu N và Đ đang sống cùng với anh X, từ khi chị Đ và anh X sống ly thân với nhau đến nay thì anh X là người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Mặc khác, qua tiếp xúc với cháu Đ thì cháu có nguyện vọng được sống cùng với anh X khi chị Đ và anh X ly hôn với nhau. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống hiện tại của hai cháu N và Đ khi đang sống với anh X nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải giao người con chung tên PTBN, sinh ngày 15/3/2006 và PTT Đ, sinh ngày 11/8/2011 cho anh X được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Anh PMX không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị NTHĐ.

Chị NTHĐ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Nếu sau này chị Đ chứng minh được việc anh X nuôi con nhưng không lo lắng chăm sóc tốt cho cuộc sống của con thì chị có quyền nộp đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị NTHĐ và anh PMX không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PL về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị NTHĐ. Cho chị NTHĐ được ly hôn với anh PMX.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên PTBN, sinh ngày 15/3/2006 và PTT Đ, sinh ngày 11/8/2011 cho anh PMX được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh PMX không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị NTHĐ.

Chị NTHĐ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị NTHĐ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005068 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được công bố hợp lệ./.

**Hội thẩm nhân dân      Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa      Hội thẩm nhân dân**

**Dương Thị Tú Phương**

**Danh Văn An**

**Võ Tuyết Kha**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PL  
TỈNH BL**

---

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

---

PL, ngày 28 tháng 6 năm 2022

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Hôm nay, vào lúc.....giờ.....phút ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại Phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh BL.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Danh Văn An**
- Cùng các vị Hội thẩm:

1/. Bà **Dương Thị Tú Phương**

2/. Bà **Võ Tuyết Kha**

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình về việc tranh chấp yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung thụ lý số: 80/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị NTHĐ, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

- Bị đơn: Anh PMX, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp PT, xã PL, huyện PL, tỉnh BL.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật;*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

**Sau khi nghị án Hội đồng xét xử thống nhất 3/3, quyết định:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị NTHĐ. Cho chị NTHĐ được ly hôn với anh PMX.

2/. Về con chung: Giao 02 người con chung tên PTBN, sinh ngày 15/3/2006 và PTT Đ, sinh ngày 11/8/2011 cho anh PMX được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh PMX không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị NTHĐ.

Chị NTHĐ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị NTHĐ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005068 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PL, tỉnh BL.

5/. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6/. Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết lúc vào lúc.....giờ.....phút, ngày 28 tháng 6 năm 2022.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Dương Thị Tú Phương**

**Võ Tuyết Kha**

**Danh Văn An**